

# Đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Anh ở các trường đại học, cao đẳng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay

Nguyễn Thị Ngọc Phương\*

\*ThS. Trường Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng

Received: 10/11/2024; Accepted: 18/11/2024; Published: 25/11/2024

**Abstract:** In the context of the policy of autonomy in the field of education being implemented drastically, and the strong development of technology, digital transformation, and innovation in English teaching methods at universities, college in Vietnam is an inevitable requirement. The article focuses on analyzing the opportunities and challenges in innovating English teaching methods at universities and colleges in Vietnam, thereby providing several suggestions and recommendations for innovating English teaching methods. English teaching methods are more effective.

**Keywords:** Teaching methods; English; digital transformation

## 1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh là một trong những ngôn ngữ quốc tế thông dụng nhất trên thế giới hiện nay. Dạy học tiếng Anh là nhiệm vụ thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Thực hiện nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược giáo dục hiện nay. Hiện nay, tất cả các trường đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ) trên cả nước đang thực hiện giảng dạy bộ môn này. Việc dạy học tiếng Anh ở các trường ĐH, CĐ mặc dù đã có những thành tựu đáng ghi nhận nhưng vẫn còn không ít những hạn chế, bất cập. Việc tổ chức giảng dạy tiếng Anh ở các trường được quản lý khá chặt chẽ nhưng mang nặng tính hành chính mà không dựa vào nhu cầu thật của sinh viên (SV). Trình độ tiếng Anh của SV tốt nghiệp còn thấp, chưa thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về trình độ ngoại ngữ để hoạt động trong một nền kinh tế tri thức. Nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh ở các trường ĐH, CĐ là yêu cầu tất yếu, cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số (CDS). Bài viết phân tích và đưa ra một số phương pháp dạy học (PPDH) môn Tiếng Anh nhằm nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Anh hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số lý luận chung về phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu CDS

#### 2.1.1. Phương pháp dạy học

Tính đến nay, thì vẫn chưa có một định nghĩa cụ thể cho PPDH là gì? Có định nghĩa cho rằng: PPDH là cách làm việc giữa người dạy và người học, qua đó người học có thể nắm bắt được các kiến thức, kỹ

năng và hình thành năng lực cũng như thế giới quan.

Cũng có quan niệm cho rằng: PPDH thực ra là các hình thức kết hợp các hoạt động của người dạy và người học mục tiêu là hướng về một việc để đạt được một mục đích nào đó.

#### 2.1.2. Chuyển đổi số

Hiện nay, chưa có sự thống nhất chung về định nghĩa CDS, tùy theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mỗi tổ chức lại có những định nghĩa về CDS khác nhau. Microsoft định nghĩa: “CDS là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo những giá trị mới”. Theo trang Tech Republic – Tạp chí trực tuyến, cộng đồng xã hội dành cho các chuyên gia CNTT, khái niệm CDS 4.0 là “cách sử dụng công nghệ để thực hiện lại quy trình sao cho hiệu quả hơn”.

Giảng dạy môn Tiếng Anh trong bối cảnh CDS là sự đổi mới phương pháp giảng dạy nhờ cách sử dụng công nghệ để thực hiện các quy trình sao cho phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn.

## 2.2. Cơ hội và thách thức trong dạy học tiếng Anh

### 2.2.1. Cơ hội

Một là, cơ hội tiếp cận, giao lưu ngày càng rộng mở: Với xu thế mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước, việc dạy học tiếng Anh có nhiều điều kiện thuận lợi hơn do cơ hội giao lưu ngày càng dễ dàng, liên tục. Việc giảng dạy, đào tạo những kỹ năng cơ bản không còn bị bó hẹp trong khuôn mẫu sư phạm hay trong những giáo trình khô cứng mà được mở rộng qua kinh nghiệm thực tiễn lẫn thực tế sinh động từ những biến chuyển, thay đổi của tình hình kinh

tế - xã hội trong nước và quốc tế. Cơ chế tự chủ về tài chính, con người... cũng giúp cho việc đổi mới hoạt động đào tạo nói chung và việc đổi mới phương thức dạy học tiếng Anh nói riêng tại các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học ngoại ngữ ngày càng thuận lợi.

*Hai là*, việc tiếp cận các phương thức giảng dạy hiện đại, tiên tiến trên thế giới ngày càng dễ dàng: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và mở rộng hợp tác hiện nay, các trường đại học chủ động mở rộng giao lưu hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, qua đó mở ra cơ hội, điều kiện để giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và tiếp cận được các phương pháp giảng dạy hiệu quả từ bên ngoài. Thực tế cho thấy, không chỉ các trường đại học trong nước nỗ lực hợp tác với các đối tác nước ngoài mà chính các đối tác ngoại cũng đang tìm cách mở rộng, hợp tác với các trường đại học Việt Nam để mở rộng vị thế, ảnh hưởng và quy mô đào tạo.

*Ba là*, khoa học công nghệ ngày càng phát triển hỗ trợ tích cực cho phương thức giảng dạy: Với xu thế công nghệ thông tin ngày càng phát triển, đặc biệt là xu thế công nghệ số và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với những thành tựu to lớn, tác động đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, các hoạt động đào tạo nói chung và phương thức giảng dạy tiếng Anh nói riêng tại các trường đại học sẽ phải thay đổi. Đây là xu hướng tất yếu và có lợi cho các trường đại học và nếu tận dụng được lợi thế này.

*Bốn là*, các trường đại học ngày càng quan tâm, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ tốt hơn cho hoạt động giảng dạy: Hiện nay, trong xu thế cạnh tranh chung, các trường đại học đều cố gắng đầu tư nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ tốt nhất cho việc dạy học, đẩy mạnh chất lượng đào tạo, khẳng định thương hiệu, qua đó thu hút SV trong bối cảnh tự chủ và cạnh tranh ngày càng quyết liệt hiện nay.

### 2.2.2. Thách thức

Tại các trường đại học có thương hiệu và vị thế, do số lượng SV quá đông nên phần nào ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy học. Chất lượng thiết bị các phòng lab, phòng học dịch chưa tốt, do tuổi đời sản phẩm của các thiết bị này thường rất ngắn nên cũng nhanh chóng bị hỏng. Cơ sở vật chất phòng học của nhiều trường chưa đảm bảo nên thường bố trí phòng học thụ động, SV phải học tại những phòng quá rộng, nhiều bàn ghế... không phù hợp cho những buổi học kỹ năng cần sự tập trung cao. Tại một số trường, chưa bố trí

hoặc thiết kế đường truyền Internet hay Wifi để phục vụ việc học tập. Một số giảng đường có thể có nhưng đường truyền lại quá chậm, không sử dụng được.

Trong phương thức giảng dạy, không ít trường đại học đang có cách tiếp cận chưa hợp lý. Chẳng hạn, SV Việt Nam thường được khuyến khích hiểu bài học thông qua việc vận dụng các quy tắc ngữ pháp và tra từ điển, máy móc, khiến cho kỹ năng nói, viết của SV khó khăn hơn. Người học vẫn bị bắt buộc học từ mới một cách máy móc, hiểu ra ý nghĩa từ 1, 2 ví dụ đơn điệu, tách biệt với tình huống cụ thể, không liên quan hành động thực tế. Nhiều bài thi phần lớn câu hỏi hoàn toàn thiếu ngữ cảnh. Chính điều này khiến người học rất khó hiểu, khó ghi nhớ bài học.

Theo các chuyên gia ngôn ngữ nước ngoài, chính phương thức dạy học lỗi thời đã gây ra những hệ lụy, chẳng hạn: Cách thức giảng tại Việt Nam đang khiến cho người học quá rụt rè trong việc hỏi lại những gì họ chưa hiểu, thậm chí khi họ thực sự tò mò muốn biết, họ cũng không dám hỏi lại.

Một trong những yếu tố tác động quan trọng khác là bắt nguồn từ giảng viên (GV). Có những GV mặc dù có kinh nghiệm nhưng ngại thay đổi, thậm chí ngay cả các GV trẻ cũng có xu hướng ngại thay đổi, ngại tìm hiểu và ứng dụng các phương thức giảng dạy hiện đại trong các buổi lên lớp. Do thu nhập tại các cơ sở đào tạo đại học quá thấp khiến cho GV không còn động lực và hứng thú để thay đổi nội dung bài giảng hoặc do đáp ứng nhu cầu cuộc sống, GV phải tăng cường dạy thêm cho các cơ sở bên ngoài và buông lỏng chất lượng giảng dạy.

### 2.3. Một số kiến nghị, đề xuất

#### 2.3.1. Đối với các trường đại học

*Thứ nhất*, tiếp tục đầu tư nguồn lực tài chính xây dựng cơ sở hạ tầng, điều kiện giảng dạy, học tập, hỗ trợ giảng dạy cho các GV. Trong đó, các phòng học cần có mạng internet để phục vụ cho các buổi trao đổi, thảo luận hoặc thực hành kỹ năng đạt chất lượng, hiệu quả cao, dễ dàng hỗ trợ người dạy trong việc tìm kiếm các ví dụ minh họa cụ thể, thiết thực trên mạng internet.

*Thứ hai*, đổi mới giáo trình hướng đến các nội dung thiết thực. Hiện nay, giáo trình của các trường đại học tuy đã được quan tâm đổi mới, cập nhật, song vẫn còn mang nặng tính lý thuyết, hàn lâm, hoặc nội dung đưa vào quá nặng, quá chuyên sâu về chuyên ngành. Trong khi, SV ra trường dường như không áp dụng những kiến thức này vào thực tế công tác.

*Thứ ba*, tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về các phương thức giảng dạy hiện đại với

các trường đại học trong và ngoài nước. Đặc biệt, trong bối cảnh tự chủ tài chính của một số trường đại học hiện nay, cần chú trọng phương thức đối thoại, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy trực tuyến để vừa tiết kiệm chi phí, vừa mang lại hiệu quả cao.

### 2.3.2. Đối với GV

*Thứ nhất*, xây dựng động cơ học tập cho SV. Ngay buổi đầu vào lớp, GV phải có chiến lược giới thiệu tầm quan trọng của việc học tiếng Anh và giới thiệu lợi ích của CDS. Chúng ta không chỉ đưa ra một cách chung chung, mà phân tích hết sức cụ thể về những lợi ích của SV khi học tiếng Anh. Nếu GV biết phân tích sâu và đưa các ví dụ thực tiễn, thì SV sẽ sẵn sàng học tiếng Anh say mê, vì thực sự họ biết rõ tiếng Anh đang rất cần cho đội ngũ trí thức. Ngoài ra, học tiếng Anh giúp cho SV phát triển nhiều kỹ năng: kỹ năng giao tiếp tốt hơn, tư duy nhanh hơn, phản ứng nhanh hơn, có kỹ năng phán đoán, khái quát... và đặc biệt là SV học tiếng Anh có cơ hội hội nhập với thế giới về phương pháp làm việc... để thuyết phục được SV hứng thú với môn học, GV phải có kỹ năng truyền đạt dễ hiểu và có độ tin cậy cao.

*Thứ hai*, xây dựng phương pháp học tiếng Anh cho SV. Trong việc xây dựng phương pháp học tiếng Anh cho SV, GV nên dạy cho người học cách thức học tập, cách thức tiếp cận các nguồn tài liệu trên các trang mạng xã hội, trong đó chú trọng xây dựng cho mình các cách thức tự học thông qua các thiết bị thông minh và internet. GV sử dụng các chiến lược học tập tích cực và lựa chọn những hoạt động có thể kích thích sự chủ động của SV.

SV phải được trải nghiệm, thử và mắc lỗi nhằm mục đích rút kinh nghiệm. Vì vậy, GV cần coi việc SV mắc lỗi khi viết tiếng Anh là điều bình thường. Đó cũng là quá trình trải nghiệm của SV với ngôn ngữ.

*Thứ ba*, đổi mới nội dung bài giảng gắn liền với các vấn đề trong cuộc sống. Chẳng hạn, trong các buổi rèn luyện 4 kỹ năng cơ bản, GV có thể lựa chọn một chủ đề về tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đến thị trường tài chính – tiền tệ toàn cầu. Với chủ đề này, GV có thể lấy rất nhiều bài viết, các video phân tích của các chuyên gia trên các tờ báo quốc tế. Bằng việc sử dụng các tư liệu này, vừa tạo sự hứng thú về nội dung vì đây là vấn đề nóng, vừa giúp SV học được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thu nạp thêm kiến thức kinh tế tài chính và đặc biệt là tiếp cận được rất nhiều từ mới phát sinh vừa được cập nhật mà không có trong từ điển.

*Thứ tư*, chú trọng sử dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, thành tựu của cuộc Cách mạng công

ng nghiệp 4.0 trong giảng dạy. Hiện nay, nhiều cơ sở giáo dục đại học đã có những “cuộc cách mạng hóa”, cho phép người học tiếng Anh sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh để hỗ trợ phát triển kỹ năng viết. Theo đó, đội ngũ GV cũng đã áp dụng những “phương pháp sư phạm AI” mới này để tận dụng những lợi ích của công nghệ trong việc dạy học. Việc sử dụng các công nghệ, các phương thức hỗ trợ công nghệ hiện đại bằng sự tương tác trực tiếp không chỉ giúp SV học hỏi nhanh, dễ dàng mà GV cũng sẽ không áp lực nhiều về giáo án. Xây dựng môi trường học số hóa: chia sẻ tài nguyên số, tạo diễn đàn thảo luận trực tuyến, phát triển kỹ năng số cho SV.

### 2.3.3. Đối với SV

Bản thân SV là những người tiếp cận kiến thức, cho nên chính họ phải là những người chủ động thay đổi. CDS là cơ hội để SV bức phá trong hoạt động của mình. SV hiện nay có sự hỗ trợ rất lớn từ công nghệ, AI, chatGPT, các phần mềm, lớp học trực tuyến sinh động và học tập mang lại hiệu quả học tập cao.

Tìm các khóa học hoặc tài liệu chuyên sâu bằng tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực của mình, ví dụ: tiếng Anh kỹ thuật, tiếng Anh kinh doanh. Điều này không chỉ nâng cao kỹ năng ngôn ngữ mà còn giúp SV cập nhật kiến thức chuyên ngành quốc tế.

## 3. Kết luận

Tiếng Anh ngày càng khẳng định vai trò không thể thiếu trong mọi hoạt động giao lưu hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực. CDS đã làm thay đổi cả cách dạy và cách học tiếng Anh theo hướng tích cực nhiều hơn so với tiêu cực. Việc đổi mới PPDH tiếng Anh của GV là một bước thay đổi quan trọng giúp thay đổi được cách học, môi trường học tiếng Anh trong kỷ nguyên mới.

### Tài liệu tham khảo

[1]. Lập Phương (2017), *Những thay đổi tích cực, hiệu quả trong dạy học ngoại ngữ ở đại học*, Báo Giáo dục Thời đại.

[2]. Vu, T., & Nguyen, T. H. L. (2021). *New curriculum, existing problems: Teacher perception of the English language curriculum renewal in Vietnam. Electronic Journal of Foreign Language Teaching*, 19(1), 207–224. <https://doi.org/10.56040/mcla1827>

[3]. Tony Wagner, Robert Kegan, Lisa Lahey, Richard W. Lemons, Jude (2011), *Lãnh đạo sự thay đổi: Cẩm nang cải tổ trường học*, NXB Trẻ.

[4]. Lê Văn Tấn, Phạm Quang Trình (5/2023), *Triển khai CDS trong các cơ sở giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Quản lý Giáo dục.